TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày 10-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/ST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 59/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 117/2023/QĐ-CA ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thúy H. Cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H: Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị S. Cư trú tại: Thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lý Thị O. Cư trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn H. Cư trú tại: Thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Dương Thị Phương L. Cư trú tại: Đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D. Cư trú tại: Thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Nông Thị H. Cư trú tại: Thôn M, xã T3, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thúy H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nông Thị S là em gái của ông Nông Văn H. Bà Đỗ Thúy H là vợ ông Nông Văn H. Vợ chồng họ có nơi cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Bà Nông Thị S là vợ của ông Hoàng Văn H. Vợ chồng họ có nơi cư trú tại: Thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Lý Thị O là vợ ông Lý Thanh N. Vợ chồng họ có nơi cư trú tại: Thôn Đập, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Lê Thị D, bà Dương Thị Phương L là bạn của bà Đỗ Thúy H. Giữa họ có phát sinh nhiều lần vay tiền với nhau nhưng không có tranh chấp. Bà Dương Thị Phương L có nơi cư trú tại: Đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Lý Thị O là bạn của bà Nông Thị S. Giữa bà Nông Thị S, bà Đỗ Thúy H, bà Dương Thị Phương L, bà Lý Thị O có phát sinh nhiều lần vay tiền với nhau.

Ngày 06-3-2021, bà Đỗ Thúy H lập Giấy biên nhận thể hiện có cho vợ chồng bà Lý Thị O, ông Lý Thanh N vay số tiền 4.310.000.000đồng, thời hạn vay hẹn 01 tháng trả. Giấy này thể hiện địa điểm lập giấy tại V; có người giao tiền bà Đỗ Thúy H, người nhận tiền là Lý Thị O và người làm chứng bà Lê Thị D ký ghi rõ họ tên ở phần cuối giấy.

Ngày 08-12-2021, bà Đỗ Thúy H lập Giấy biên nhận thể hiện có cho vợ chồng bà Nông Thị S, ông Hoàng Văn H vay số tiền 3.601.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 08-12-2021 đến ngày 08-02-2022 thì trả hết số tiền trên. Giấy này thể hiện địa điểm lập giấy tại T1; có người giao tiền bà Đỗ Thúy H, người nhận tiền bà Nông Thị S và người làm chứng bà Dương L ký ghi rõ họ tên ở phần cuối giấy.

Ngày 24-7-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã tiếp nhận tố giác về tội phạm của bà Đỗ Thúy H với nội dung tố giác bà Lý Thị O có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 4.310.000.000đồng, mới trả được 590.000.000đồng, còn lại 3.720.000.000đồng; từ tháng 9-2021 đến nay Lý Thị O bỏ trốn, không có mặt tại địa phương, không có cách nào để liên lạc được với Lý Thị O. Qua việc giải quyết tin báo tố giác tội phạm, cơ quan Cảnh sát điều tra xác định không có sự việc bà Đỗ Thúy H cho bà Lý Thị O vay số tiền 4.310.000.000đồng bằng tiền mặt vào ngày 06-3-2021. Tuy nhiên, giữa bà Lý Thị O và bà Đỗ Thúy H có trách nhiệm về việc vay mượn trước ngày 06-3-2021. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc bà Đỗ Thúy H tố giác bà Lý Thị O lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra tháng 3-2021 tại xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi nhận Quyết định không khởi tố vụ án số: 26/QĐ-CQĐT ngày 06-3-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bà Đỗ Thúy H nhất trí và không thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Tại cấp sơ thẩm

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thúy H yêu cầu bị đơn bà Nông Thị S trả tổng số tiền: 4.195.165.000đồng, gồm: Số tiền nợ gốc 3.601.000.000đồng, số tiền nợ lãi từ tháng 8-2021 đến tháng 8-2022 là 594.165.000đồng. Giữa nguyên đơn và bị đơn có cho nhau vay tiền nhiều lần. Số tiền 3.601.000.000đồng thể hiện tại Giấy biên nhận ngày 08-12-2021 không phải là tiền vay giữa hai bên của các năm 2019, 2020; việc vay mượn trước ngày 08-12-2021 giữa hai bên đã thực hiện thanh quyết toán xong không có tranh chấp gì, chỉ còn khoản vay tiền mặt duy nhất vào ngày 08-12-2021 đến nay chưa được thanh quyết toán. Số tiền 3.600.000.000đồng là tiền riêng của nguyên đơn vay lại của bà Dương Thị Phương L, không phải là tài sản chung, không phải là nợ chung của vợ chồng nguyên đơn. Số tiền trên đều là loại tiền có mệnh giá 500.000đồng/tờ. Số tiền 1.000.000đồng còn lại là tiền riêng của nguyên đơn bỏ ra do bị đơn cần vay thêm để lấy tiền đi đường. Việc vay tiền được giao dịch trực tiếp tại nhà bà Dương Thị Phương L ở khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhưng do sơ xuất nên nguyên đơn lại ghi nhầm là nơi cư trú của bị đơn tại xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Mặc dù lãi suất không thể hiện tại Giấy biên nhận nhưng thỏa thuận miệng giữa hai bên là 1,5%/tháng. Tuy trên Giấy biên nhận người vay tiền có tên cả chồng bị đơn là ông Hoàng Văn H nhưng mọi giao dịch, thỏa thuận, nhận tiền thì ông Hoàng Văn H không tham gia, không chứng kiến. Bị đơn nói vay số tiền trên là để kinh doanh, buôn bán và trả nợ việc xây nhà. Đến hạn thanh toán, bị đơn không thực hiện trả tiền gốc, lãi theo thỏa thuận, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không có thiện trí trả nợ nên nguyên đơn mới khởi kiện ra Tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định số tiền 3.600.000.000đồng cho bị đơn vay gồm có loại tiền mệnh giá 500.000đồng/tờ và 200.000đồng/tờ, nguyên đơn không xác định được chính xác số lượng của từng mệnh giá tiền, chỉ nhớ gồm có 36 cọc, mỗi cọc 100.000.000đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà Nông Thị S và ông Hoàng Văn H phải trả tổng cộng

4.452.636.500đồng, trong đó có 3.601.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 08-12-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 851.636.500đồng. Bên vay còn phải trả tiếp lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả xong số nợ trên.

Bị đơn bà Nông Thị S trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 và năm 2020, bà Lý Thị O là bạn của bị đơn có nhờ bị đơn giới thiệu và vay tiền hộ để kinh doanh. Bị đơn đã đứng ra vay tiền của nguyên đơn hộ bà Lý Thị O, số tiền vay nhiều lần, lần ít nhất là 1.000.000đồng, lần nhiều nhất là 300.000.000đồng, lãi suất vay nguyên đơn tính các khoản vay từ 10 ngày trở xuống là 5.000đồng/triệu/ngày, nếu khoản vay từ 01 tháng trở lên là 3.500đồng/triệu/ngày. Những lần vay và trả giữa các bên thực hiện bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt. Nguyên đơn chuyển tiền vay của bà Lý Thị O cho bị đơn, sau đó bị đơn lại chuyển tiền đó sang tài khoản cho bà Lý Thị O. Khi bà Lý Thị O trả tiền cho nguyên đơn thì bà Lý Thị O đều chuyển cho bị đơn để bị đơn chuyển khoản trả lại cho nguyên đơn. Tuy nhiên, từ cuối năm 2020, đến đầu năm 2021 bà Lý Thị O chuyển tiền trả lãi cho nguyên đơn không đều, nên tiền lãi nguyên đơn đã tính gộp vào tiền gốc. Đầu năm 2021, bị đơn và bà Lý Thị O xác nhận số tiền bị đơn mượn hộ cộng cả gốc và lãi là 2.500.000.000đồng. Tháng 9-2021, bà Lý Thị O tuyên bố phá sản nên từ đó không chuyển tiền để bị đơn trả cho nguyên đơn nữa. Do đó, ngày 08-12-2021, nguyên đơn cầm Giấy biên nhận đến nhà bị đơn ở thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (không phải bị đơn đến nhà bà Dương Thị Phương L) và bảo bị đơn ký vào với nội dung là bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 3.601.000.000đồng để làm căn cứ sau này nguyên đơn tính toán với bà Lý Thị O. Đây là số tiền tính cả gốc và lãi của số tiền bà Lý Thị O nhờ bị đơn mượn của nguyên đơn từ trước chứ không phải là số tiền vay mới. Hôm đó hai bên chỉ ký giấy tờ mà không có việc giao nhận tiền. Sau khi bị đơn ký vào giấy đó xong thì nguyên đơn là người giữ giấy. Khi đó bà Dương Thị Phương L không có mặt, bà Dương Thị Phương L ký vào Giấy biên nhận sau thời điểm lập giấy. Chồng của bị đơn không biết, không liên quan đến việc ký Giấy biên nhận này. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vay tiền về để kinh doanh và trả tiền xây dựng nhà là không đúng thực tế bởi nhà bị đơn xây dựng từ năm 2019, số tiền vay để xây dựng nhà không liên quan gì đến số tiền thể hiện tại Giấy biên nhận. Khoảng tháng 7-2022, nguyên đơn tố giác bà Lý Thị O đến cơ quan Công an về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, khi giải quyết tố giác Công an đã sao kê các lần gửi và nhận tiền giữa các số tài khoản của nguyên đơn là 295704070000222, bị đơn là 295704070000493, bà Lý Thị O là 295704070000059 đều mở tại Ngân hàng H Chi nhánh Lạng Sơn, trong đó số tài khoản bà Lý Thị O chuyển tiền để bị đơn chuyển tiền trả cho nguyên đơn thì số tiền trả đã vượt số tiền nguyên đơn cho vay quá nhiều; đó là chưa kể số tiền bị đơn trả trực tiếp bằng tiền mặt cho nguyên đơn và tại cơ quan Công an chính nguyên đơn thừa nhận: Các khoản nợ trong năm 2019, 2020 giữa nguyên đơn, bị đơn hai bên đã thanh toán xong. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H nhất trí với ý kiến của bị đơn bà Nông Thị S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị O cho biết: Khoảng tháng 3-2019, do có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên bà có nhờ bạn là bị đơn để vay tiền của nguyên đơn với số tiền 300.000.000đồng, lãi suất vay 5.000đồng/triệu/ngày. Sau đó bà tiếp tục vay tiền của nguyên đơn nhiều lần sang năm 2020, số nợ tăng lên 1.300.000.000đồng. Do không trả lãi đều nên khoảng cuối năm 2020, nguyên đơn đưa cho bà một tờ Giấy biên nhận, tờ giấy đó có chữ in sẵn và các dòng kẻ (…) để điền vào với nội dung bà vay nguyên đơn số tiền 4.310.000.000đồng. Đến tháng 7-2022, nguyên đơn dùng Giấy biên nhận này để tố giác bà về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Công an đã chứng minh không có khoản vay 4.310.000.000đồng nên không khởi tố vụ án. Do không có tiền trả lãi cho nguyên đơn nên ngày 12-12-2019, bà nhờ bị đơn vay hộ số tiền 70.000.000đồng để bà lấy chính số tiền đó trả lãi cho nguyên đơn. Sau đó, bà còn nhờ bị đơn vay tiền từ nguyên đơn thêm nhiều lần, lần ít thì vài chục triệu đồng, lần nhiều nhất là 200-300 triệu đồng cho đến mã vay cuối cùng là ngày 05-11-2020. Tổng số tiền bà nhờ bị đơn vay hộ là 1.693.500.000đồng. Khoảng tháng 02, tháng 3-2021, bà và bị đơn đã trao đổi qua điện thoại T số tiền nhờ vay hộ, gồm cả gốc và lãi là 2.500.000.000đồng. Từ ngày 05-11-2020 đến 30-8-2021 bà chỉ trả được khoảng ½ số tiền lãi, từ tháng 9-2021 trở đi thì bà không trả được đồng tiền lãi nào cho bị đơn để bị đơn trả cho nguyên đơn. Tại cơ quan Công an thể hiện số tiền bà trả cho nguyên đơn thông qua bị đơn đã cao hơn số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn để bị đơn chuyển cho bà. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Dương Thị Phương L trình bày: Bà là bạn của nguyên đơn, năm 2020 qua nguyên đơn bà có cho bị đơn vay tiền. Để đảm bảo khoản vay thì bị đơn phải đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bị đơn làm đảm bảo. Việc vay mượn này giữa hai bên sau này đã thanh quyết toán xong. Ngày 08-12-2021, tại nhà của bà ở đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn bà đã cho nguyên đơn vay tổng số tiền 3.600.000.000đồng (hai bên không lập giấy tờ vì là chỗ quen biết nhau). Ngay sau khi nhận tiền vay thì nguyên đơn đã đưa lại toàn bộ số tiền này và thêm 1.000.000đồng cho bị đơn vay. Khi đó, nguyên đơn, bị đơn đã lập Giấy biên nhận, bà chứng kiến sự việc vay mượn và có ký vào giấy với tư cách là người làm chứng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bà Nông Thị S, ông Hoàng Văn H có trách nhiệm liên đới trả nợ tổng số tiền: 4.452.636.500đồng, gồm: Số tiền nợ gốc 3.601.000.000đồng, số tiền nợ lãi 851.636.500đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm: Đã tiến hành lấy lời khai bổ sung của nguyên đơn, bị đơn, cụ thể: Nguyên đơn bà Đỗ Thúy H xác định: Những gì nguyên đơn trình bày tại cơ quan điều tra đề nghị xử lý hành vi của bà Lý Thị O là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đe dọa. Nguyên đơn nhất trí với việc không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra, không thực hiện việc khiếu nại theo quy định của pháp luật. Đến nay, nguyên đơn chưa tiến hành khởi kiện bà Lý Thị O về vụ việc dân sự. Đến tháng 9-2021, giữa nguyên đơn và bị đơn không còn khoản nợ nào với nhau bởi đã được thanh toán xong trước đó.

Bị đơn bà Nông Thị S xác định: Bị đơn được ký ở mục nhận tiền tại Giấy biên nhận ngày 08-12-2021, tuy nhiên thực tế không có việc vay mượn tiền giữa hai bên. Do thời điểm đó bà Lý Thị O có vay mượn tiền của nguyên đơn với số tiền gốc, lãi lên đến 2.500.000.000đồng. Từ tháng 9-2021, bà Lý Thị O vỡ nợ, không thể trả lãi hàng tháng cho nguyên đơn nên ngày 08-12-2021 nguyên đơn đã cộng số tiền gốc 2.500.000.000đồng và lãi tiếp tục lên thành số tiền 3.601.000.000đồng. Do bà Lý Thị O vỡ nợ, không thường xuyên sinh sống tại địa phương nên nguyên đơn nói cần bằng chứng giấy tờ để sau này bà Lý Thị O về thì nguyên đơn có căn cứ đòi tiền. Vì vậy, nguyên đơn mới bảo bị đơn ký vào Giấy biên nhận này. Thực tế trước ngày 08-12-2021 bị đơn có vay mượn tiền với nguyên đơn nhiều lần nhưng hai bên đã thanh toán xong. Trong suốt cả năm 2021 và đến sau này bị đơn không hề vay tiền của nguyên đơn. Việc nguyên đơn cho rằng bị đơn vay tổng số tiền 3.601.000.000đồng để trả tiền xây dựng nhà và để kinh doanh là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế.

Ngày 02-8-2023, cấp phúc thẩm nhận tài liệu do nguyên đơn gửi đến trong đó có Đơn đề nghị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, và nghĩa vụ liên quan (không đề ngày, tháng, có thể hiện năm 2023) của ông Nông Văn H. Tại Đơn này ông Nông Văn H đề nghị Tòa án đưa ông tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ngày 02-8-2023, nguyên đơn có Bản tự khai và cung cấp chứng cứ mới. Ngày 04-8-2023, nguyên đơn tiếp tục có Đơn xin rút đơn khởi kiện. Tại hai văn bản này nguyên đơn cho rằng khoản tiền 3.601.000.000đồng tại Giấy biên nhận ngày 08-12-2021 không phải là khoản vay bằng tiền mặt trực tiếp tại nhà bà Dương Thị Phương L vào ngày 08-12-2021, khoản vay này bao gồm tiền gốc và tiền lãi mà bị đơn đã vay của nguyên đơn kéo dài trong nhiều năm trước đó chưa trả được. Do bị đơn chưa có tiền trả nên nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn ký vào Giấy biên nhận này làm căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện. Nếu bị đơn không đồng ý về việc rút đơn khởi kiện đó thì nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn tiếp tục thay đổi lời khai về số tiền tại Giấy biên nhận ngày 08-12-2021, cụ thể như sau: Số tiền 3.601.000.000đồng tại Giấy biên nhận không phải là khoản vay bằng tiền

mặt trực tiếp tại nhà bà Dương Thị Phương L vào ngày 08-12-2021, khoản vay này chỉ là tiền gốc của những lần bị đơn vay trước đó vào năm 2019, 2020, 2021, không hề có tiền lãi trong số tiền đó. Giấy tờ vay mượn trước đó nguyên đơn đã đốt bỏ nên không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cũng không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Tại cơ quan điều tra và tại Tòa án nguyên đơn đã nhiều lần thừa nhận: Trước ngày 08-12-2021, việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn đã thanh toán xong, nên bị đơn xác định không còn nợ nguyên đơn tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H nhất trí với ý kiến của bị đơn bà Nông Thị S.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là mẹ chồng của bị đơn. Khoảng năm 2019-2020, do con trai Hoàng Văn H cần tiền trả cho việc xây dựng nhà nên bà có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T, Chi nhánh Lạng Sơn, Phòng giao dịch huyện H để vay số tiền 400.000.000đồng cho vợ chồng ông Hoàng Văn H. Việc chuyển số tiền này cho vợ chồng bị đơn bà không lập thành giấy tờ. Đến nay khoản vay này gia đình bị đơn vẫn đang tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký kết.

Người làm chứng bà Nông Thị H trình bày: Bà là chị gái của bị đơn Nông Thị S. Năm 2019 do em gái Nông Thị S cần tiền trả cho việc xây dựng nhà nên bà có đứng ra vay và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển T, Chi nhánh Lạng Sơn, Phòng giao dịch huyện H để vay số tiền 200.000.000đồng cho vợ chồng bị đơn. Việc chuyển số tiền này cho vợ chồng bị đơn bà không lập thành giấy tờ. Đến hạn thanh toán do vợ chồng em gái chưa trả được nên gia đình bà tiếp tục ký kết các hợp đồng vay và thế chấp với Ngân hàng theo luật định. Đến nay khoản vay này gia đình bị đơn vẫn đang tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký kết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn có việc vay mượn tiền với nhau rất nhiều lần trong các năm 2019, 2020, 2021. Giấy biên nhận ngày 08-12-2021 là có thực, bị đơn có ký kết vào văn bản này. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã trình bày cụ thể về thời gian, địa điểm ... lập Giấy biên nhận ngày 08-12-2021. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, nguyên đơn đã thay đổi lời khai khẳng định số tiền 3.601.000.000đồng là tiền bị đơn vay của nguyên đơn qua nhiều năm từ năm 2019 đến năm 2021, việc giao nhận có thể bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt nhưng hai bên không có hợp đồng hoặc bất kỳ giấy biên nhận gì. Do bị đơn không trả nợ, để có căn cứ pháp lý nên nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn ký nhận vào Giấy biên nhận này. Đây là Hợp đồng vay tài sản theo đúng quy định của Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc thay đổi lời khai của nguyên đơn là phù hợp với thực tế khách quan, không làm thay đổi

nội dụng vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về Hợp đồng vay tài sản, lãi suất và nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Sau khi cấp phúc thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn thay đổi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn tiếp tục thay đổi lời khai về việc vay tiền giữa các bên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn không có căn cứ pháp lý và có nhiều mâu thuẫn với chính lời khai trước đó của nguyên đơn, mâu thuẫn với lời khai của bà Dương Thị Phương L, của ông Nông Văn H. Trên cơ sở các chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, không có căn cứ xác định bị đơn vay nguyên đơn số tiền 3.601.000.000đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thúy H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng có người tham gia tố tụng vắng mặt không có lý do, có người có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người này.

[2] Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ngày 10-8-2023 và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10-8-2023, nguyên đơn bà Đỗ Thúy H rút đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hỏi bị đơn bà Nông Thị S về vấn đề này. Bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4] Nguyên đơn bà Đỗ Thúy H, bị đơn bà Nông Thị S trước ngày Tòa án

cấp phúc thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều thừa nhận: Nguyên đơn được trực tiếp cho bị đơn vay tiền nhiều lần, có lần lập giấy vay tiền, giấy biên nhận, ghi sổ hoặc giao dịch bằng lời nói. Nếu có làm thành văn bản hoặc ghi sổ thì giấy tờ đó do nguyên đơn giữ. Việc chuyển tiền (cho vay hoặc trả tiền) đa phần chuyển qua tài khoản ngân hàng hoặc giao dịch tiền mặt trực tiếp. Khi trả nợ hai bên không lập giấy tờ với nhau mà chỉ xác nhận bằng miệng hoặc gạch giấy vay tiền, giấy biên nhận đã xác lập trước đó. Trước ngày 08-12-2021, giữa nguyên đơn và bị đơn tuy có việc vay mượn tiền của nhau nhưng hai bên đã thanh toán xong, không có tranh chấp gì về các giao dịch đã diễn ra trước ngày 08-12-2021. Nguyên đơn ngoài cho bị đơn vay tiền còn cho nhiều người khác vay tiền trong đó có bà Lý Thị O. Cách thức vay tiền, thanh toán giữa các bên về cơ bản cũng giống như nguyên đơn cho bị đơn vay tiền. Từ cuối năm 2019 đến trước ngày 08-12-2021, bà Lý Thị O nhiều lần nhờ bị đơn vay tiền hộ của nguyên đơn nên bị đơn đã nhiều lần đứng ra giúp bà Lý Thị O vay tiền của nguyên đơn để chuyển cho Lý Thị O.

[5] Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn liên quan xử lý tin báo tố giác về tội phạm của nguyên đơn với nội dung tố giác bà Lý Thị O có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, những gì nguyên đơn, bị đơn trình bày cả hai đều xác định là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện đúng ý trí của hai bên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã sao kê các lần gửi và nhận tiền giữa các số tài khoản của nguyên đơn là 295704070000222, bị đơn là 295704070000493, bà Lý Thị O là 295704070000059 đều mở tại Ngân hàng H Chi nhánh Lạng Sơn thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 01-01-2019 đến ngày 31-8-2021: Bà Đỗ Thúy H đã chuyển khoản cho bà Lý Thị O số tiền 6.377.400.000đồng, bà Lý Thị O đã chuyển khoản cho bà Đỗ Thúy H tổng số tiền là 5.686.100.000đồng. Bà Đỗ Thúy H đã chuyển khoản cho bà Nông Thị S số tiền 2.398.750.000đồng, bà Nông Thị S đã chuyển khoản lại cho bà Đỗ Thúy H tổng số tiền là 3.563.371.900đồng. Bà Nông Thị S đã chuyển khoản cho bà Lý Thị O số tiền 2.476.460.000đồng, bà Lý Thị O đã chuyển khoản lại cho bà Nông Thị S tổng số tiền là 3.303.752.200đồng. Cơ quan điều tra đã khẳng định rõ: Không có sự việc bà Đỗ Thúy H cho bà Lý Thị O vay số tiền 4.310.000.000đồng bằng tiền mặt vào ngày 06-3-2021.

[6] Xét Giấy biên nhận lập ngày 08-12-2021 giữa nguyên đơn và bị đơn, ông Hoàng Văn H thấy:

[7] Thứ nhất: Giấy này được chính nguyên đơn điền các nội dung theo mẫu giấy nguyên đơn đã lập sẵn và sử dụng thường xuyên. Mẫu giấy này cũng tương đồng với mẫu Giấy biên nhận ngày 06-3-2021 giữa nguyên đơn với vợ chồng Lý Thị O, Lý Thanh N mà nguyên đơn đã dùng giấy này để làm căn cứ tố giác Lý Thị O có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của nguyên đơn.

[8] Thứ 2: Nguyên đơn và người làm chứng bà Dương Thị Phương L khẳng định địa điểm lập giấy là lập tại nhà bà Dương Thị Phương L, tức là tại khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, tại giấy này lại thể hiện

được lập tại T1 tức là lập tại xã T1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đây chính là nơi cư trú của bị đơn Nông Thị S. Từ nhà bị đơn (xã T1) đến nhà bà DươngThị Phương Liên (thị trấn H) địa giới hành chính khác nhau, cách nhau khoảng 18km. Nguyên đơn cho rằng ghi sai địa điểm lập giấy là do nguyên đơn nhầm lẫn, điều đó là không phù hợp. Mặt khác, người làm chứng có họ tên đầy đủ là bà Dương Thị Phương L; tuy nhiên, tại Giấy biên nhận lại thể hiện là Dương-L.

[9] Thứ 3: Nguyên đơn xác định việc vay số tiền 3.601.000.000đồng diễn ra trên cơ sở thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, chồng của bị đơn là ông Hoàng Văn H không tham gia, không biết gì về giao dịch này; khi nhận tiền thì ông Hoàng Văn H cũng không có mặt. Tuy nhiên, Giấy biên nhận lại xác định bên nhận tiền có ông Hoàng Văn H là không phù hợp, không đúng với thực tế khách quan.

[10] Thứ 4: Trong quá trình giải quyết tin báo tố giác tội phạm của nguyên đơn đối với bà Lý Thị O và trước khi mở phiên tòa sơ thẩm ngày 31-3-2023, nguyên đơn khẳng định số tiền 3.600.000.000đồng nguyên đơn cho bị đơn vay khi đó được giao trực tiếp gồm 36 cọc, toàn bộ là tiền mệnh giá 500.000đồng/tờ mà nguyên đơn vừa nhận vay từ bà Dương Thị Phương L. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn lại cho rằng 3.600.000.000đồng gồm có tiền mệnh giá 500.000đồng/tờ và tiền mệnh giá 200.000đồng, cụ thể số lượng từng loại tiền mệnh giá ra sao nguyên đơn không nhớ rõ. Điều đó là không phù hợp với diễn biến quá trình vay mượn và thực tế khách quan bởi số tiền vay rất lớn, nguyên đơn lại đi vay lại của người khác để cho bị đơn vay lại. Mặt khác, việc nguyên đơn lý giải việc cho bị đơn vay số tiền 1.000.000đồng sau khi đã hỏi vay số tiền 3.600.000.000đồng để làm chi phí đi đường là không phù hợp với mục đích vay tiền của bị đơn mà nguyên đơn đưa ra trước đó.

[11] Thứ 5: Lời khai của bị đơn, của bà Lý Thị O, ông Hoàng Văn H liên quan đến Giấy biên nhận phù hợp với nhau, phù hợp với diễn biến thực tế khách quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Lời khai của nguyên đơn, của bà Dương Thị Phương L không phù hợp với thực tế khách quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[12] Xét thấy, số tiền 3.601.000.000đồng là rất lớn, nguyên đơn phải vay của bà Dương Thị Phương L số tiền 3.600.000.000đồng để cho bị đơn vay lại. Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết tin báo tố giác tội phạm đối với bà Lý Thị O, nguyên đơn đã thừa nhận: Năm 2020 việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn đã thanh toán hết, bị đơn ngoài chuyển khoản còn trả nguyên đơn bằng tiền mặt. Đến năm 2021, bị đơn còn tiếp tục vay tiền của nguyên đơn 01 lần nhưng nguyên đơn không nhớ là bao nhiêu tiền (bút lục 62). Những khoản tiền bị đơn vay của nguyên đơn năm 2019, 2020 đã thanh toán xong, chỉ còn lại khoản nợ từ năm 2021 bị đơn vay nguyên đơn 01 lần nhưng nguyên đơn không nhớ là bao nhiêu tiền (bút lục 132-133). Như vậy, rõ ràng là không phù hợp với thực tế khách quan, với diễn biến sự việc vay tiền ngày 08-12-2021 giữa nguyên đơn và bị đơn.

[13] Do đó, có đủ căn cứ pháp lý xác định số tiền 3.601.000.000đồng nguyên đơn cho bị đơn vay bằng tiền mặt vào ngày 08-12-2021 là không có thực nên giao dịch này vô hiệu theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo nguyên đơn, giấy tờ cho vay giữa nguyên đơn, bị đơn trước ngày 08-12-2021 đã được hai bên thanh toán xong, không có tranh chấp nên nguyên đơn đã đốt hết. Do đó, trước ngày 08-12-2021 không có căn cứ pháp lý để xác định số tiền vay nợ của các bên là bao nhiêu và cũng không có căn cứ để tính số tiền lãi vượt quá còn lại theo quy định của pháp luật.

[14] Từ những phân tích đánh giá trên có đủ căn cứ xác định cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật. Vì yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền 4.452.636.500đồng không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm quyết định nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 112.452.000đồng và được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là đúng pháp luật.

[15] Xét đề nghị của ông Nông Văn H đề nghị đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy rằng:

[16] Thứ nhất: Ngày 21-11-2022, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định khoản tiền 3.601.000.000đồng mà nguyên đơn cho bị đơn vay thể hiện tại Giấy biên nhận là tiền riêng của nguyên đơn, không liên quan đến ai. Số tiền này có 3.600.000.000đồng là tiền nguyên đơn vay riêng của bà Dương Thị Phương L. Ngày 05-12-2022, nguyên đơn đã nộp cho cấp sơ thẩm Giấy xác nhận đề ngày 04-12-2022 của ông Nông Văn H (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn) có nội dung: Ngày 08-12-2021 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 3.601.000.000đồng. Đây là tiền riêng của nguyên đơn, không liên quan đến tiền của gia đình. Khi cho vay tiền, ông Nông Văn H không hề được chứng kiến, sau này ông Nông Văn H mới biết sự việc này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa ông Nông Văn H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[17] Thứ 2: Sau khi hoãn phiên tòa phúc thẩm ngày 25-7-2023, vào ngày 02-8-2023 cấp phúc thẩm nhận được Đơn đề nghị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Nông Văn H do nguyên đơn gửi qua đường bưu điện đến. Nội dung đơn của ông Nông Văn H thể hiện: Trước ngày 08-12-2021, vợ chồng ông Nông Văn H có bàn bạc và T về việc vay tiền của bà Dương Thị Phương L số tiền 3.601.000.000đồng để cho bị đơn vay vào ngày 08-12-2021. Ông Nông Văn H là người trực tiếp liên quan đến vụ án, là người nắm rõ những chi tiết quan trọng liên quan đến bản chất của tranh chấp. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn không đưa ông vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của ông và của vợ chồng ông. Ông đề nghị Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[18] Thứ 3: Ngày 03-8-2023, cấp phúc thẩm đã có Giấy triệu tập số 242/GTT-TA đối với ông Nông Văn H để tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10-8-2023, làm rõ ý kiến mà ông Nông Văn H đã đưa ra. Mặc dù theo vận đơn thể hiện Giấy triệu tập đã được giao cho chính ông Nông Văn H; tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nông Văn H vẫn không có mặt.

[19] Thứ 4: Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn liên tục có sự thay đổi lời khai, cụ thể: Ngày 02-8-2023 nguyên đơn có Bản tự khai và ngày 04-8-2023 nguyên đơn có Đơn xin rút đơn khởi kiện. Tại hai văn bản này nguyên đơn cho rằng khoản tiền 3.601.000.000đồng tại Giấy biên nhận không phải là khoản vay bằng tiền mặt trực tiếp tại nhà bà Dương Thị Phương L vào ngày 08-12-2021, khoản vay này bao gồm tiền gốc và tiền lãi mà bị đơn đã vay của nguyên đơn kéo dài trong nhiều năm trước đó chưa trả được. Do bị đơn chưa có tiền trả nên nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn ký vào Giấy biên nhận này làm căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10-8-2023, nguyên đơn xác định khoản tiền 3.601.000.000đồng tại Giấy biên nhận không phải là khoản vay bằng tiền mặt trực tiếp tại nhà bà Dương Thị Phương L vào ngày 08-12-2021, khoản vay này chỉ có tiền gốc mà bị đơn đã vay của nguyên đơn vay từ năm 2019, 2020 và 2021, không hề có tiền lãi.

[20] Do đó, có đủ căn cứ pháp lý xác định ông Nông Văn H không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[21] Xét thấy, việc thay đổi lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm mâu thuẫn với chính việc thay đổi lời khai của nguyên đơn vào ngày 02 và ngày 04-8-2023, mâu thuẫn với ý kiến của chồng nguyên đơn ông Nông Văn H gửi cấp phúc thẩm, mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng bà Dương Thị Phương L trước đó. Việc thay đổi lời khai này được thực hiện sau khi các tài liệu chứng cứ đã được phân tích và nhận định làm rõ tại Bản án sơ thẩm. Việc thay đổi lời khai không phù hợp với thực tế khách quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà nguyên đơn đã thừa nhận trước đó. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[22] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ pháp lý và không phù hợp với các quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[23] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thúy H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đỗ Thúy H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 10-4-2023, bà Đỗ Thúy H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004527 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Bà Đỗ Thúy H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa